

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **44** /2025/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **23** tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 1670/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Lai Châu năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 01/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 về hợp nhất, thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; số 27/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025 về thông qua chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025.

Xét Tờ trình số 3492/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 486/BC-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2, Điều 1 như sau:

“a) Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 3 như sau:

a) Bỏ cụm từ “cấp tỉnh, cấp huyện” tại khoản 1, Điều 3.

b) Thay thế cụm từ “cấp huyện” bằng cụm từ “cấp xã”; cụm từ “các huyện, thành phố” bằng cụm từ “các xã, phường” đối với phân bổ vốn sự nghiệp tại các phụ lục kèm theo nghị quyết.

c) Thay thế cụm từ “Ban Dân tộc” bằng cụm từ “Sở Dân tộc và Tôn giáo” tại các mục 4.2, phần 4, Phụ lục số 5; mục 2.2, phần 2, Phụ lục số 9; mục 3.2, phần 3, Phụ lục số 10.

d) Sửa đổi, bổ sung tiêu chí, định mức phân bổ vốn sự nghiệp tại mục 2.2, phần 2, Phụ lục số 3 như sau:

“a) Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 70% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 2 (Sở Nông nghiệp và Môi trường không quá 69,5%; Sở Công thương không quá 0,5%).

b) Phân bổ vốn cho cấp xã: Phần vốn còn lại áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

- Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư:

+ Nhóm tiêu chí cơ bản: Xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: Mỗi xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) được tính 28 điểm; Mỗi thôn đặc biệt khó khăn không thuộc xã khu vực III (*Số thôn đặc biệt khó khăn được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã*) được tính 5 điểm.

+ Nhóm tiêu chí ưu tiên đối với xã đặc biệt khó khăn hơn:

Tiêu chí xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ đồng thời là xã biên giới: Xã đặc biệt khó khăn đồng thời là xã biên giới được tính 2 điểm.

Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ: Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã đặc biệt khó khăn được tính 0,15 điểm.

Tổng số điểm mỗi xã được xác định trên cơ sở cộng điểm theo các nhóm tiêu chí: Nhóm tiêu chí cơ bản cộng với nhóm tiêu chí ưu tiên”.

đ) Sửa đổi, bổ sung phân bổ vốn sự nghiệp cho cấp tỉnh tại mục 3.2, phần 3, Phụ lục số 5 như sau:

“- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 26% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 3 (Sở Nội vụ không quá 6%; Trường Cao đẳng Lai Châu không quá 20%)”.

e) Sửa đổi, bổ sung phân bổ vốn sự nghiệp cho cấp tỉnh tại phần 2, Phụ lục số 8 như sau:

“- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 22,5% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của dự án 8 (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 18,5%; Sở Nội vụ không quá 2%; Sở Y tế không quá 2%).”

f) Sửa đổi, bổ sung phân bổ vốn sự nghiệp cho cấp tỉnh tại mục 1.2, phần 1, Phụ lục số 9 như sau:

“- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 3,8% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 1 (Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 2,8%; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 1%)”.

g) Sửa đổi, bổ sung phân bổ vốn sự nghiệp cho cấp tỉnh tại mục 1.2, phần 1, Phụ lục số 10 như sau:

“- Phân bổ vốn cho cấp tỉnh: Không quá 60% tổng vốn sự nghiệp được phân bổ của tiểu dự án 1 (Sở Dân tộc và Tôn giáo không quá 18,5%; Sở Tư pháp không quá 19%; Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch không quá 19%; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 3,5%)”

h) Thay thế cụm từ “Sở Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Sở Khoa học và Công nghệ” tại phần 2, Phụ lục số 10.

i) Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2, Điều 3 như sau:

“b) Tổng số vốn phân bổ cho cấp xã được xác định bằng tổng số vốn các dự án, tiểu dự án thành phần còn lại sau khi phân bổ cho cấp tỉnh.

Tổng số vốn sự nghiệp phân bổ của các dự án, tiểu dự án thành phần cho mỗi xã, phường được xác định trên cơ sở định mức vốn cho một điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án tương ứng nhân với tổng số điểm cộng dồn của các xã, phường, thị trấn trước khi sắp xếp; các xã đặc biệt khó khăn theo tiêu chí tính điểm được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Định mức vốn cho một điểm phân bổ của dự án, tiểu dự án bằng tổng vốn phân bổ cho dự án, tiểu dự án đó chia cho tổng số điểm của dự án, tiểu dự án tương ứng (*sau khi trừ đi phần vốn của cấp tỉnh*).

Tổng điểm của dự án, tiểu dự án được xác định bằng số lượng tiêu chí nhân với số điểm của từng tiêu chí tương ứng.

Số điểm của từng tiêu chí được quy định cụ thể theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 4 như sau:

“3. Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách các xã, phường giai đoạn 2021-2025 (*nếu có*) để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ được phân cấp giao cho các xã, phường thực hiện. Hằng năm căn cứ vào khả

năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ bố trí vốn đối ứng cho các xã, phường có tỷ lệ giải ngân cao.”

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XV, kỳ họp thứ ba mươi thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ